
**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

Khô uẩn

<blockquote>Kalama tri ân bạn buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[20/09/2021 - 12:17 - buithibuukim]

TRUNG BỘ KINH

BÀI KINH 13. KINH ĐẠI KHỔ UẨN (Mahàdukkhakkhanda sutta)

Các vị còn nhớ chữ ‘dukkha’ này không? Chữ ‘du’ trong Pali nghĩa là ‘khó’, ‘xấu’ là bad. Còn ‘kha’ là ‘chịu đựng’. ‘Dukkha’ là khổ, là những gì làm mình khó chịu. Cho nên sợ ma, cái sợ đó cũng là dukkha; đau, giận, tiếc nuối, hà tiện cũng là dukkha. Hối nhỏ tôi không hiểu, nói trong bốn cái Sở hữu sân phân, ‘sân, tật cái lòng nó hối, ‘sân’ này khó chịu đã đành, ‘tật’ là do cái mình ganh tị cũng hiểu đi, còn ‘lận’ là bòn xén thì sao là tâm sân? Thật ra lúc mình muốn làm gì mà mình kẹo, tức là tiếc tiếc là lúc đó mình đang khó chịu.

Duyên khởi Kinh:

Tại chùa Kỳ Viên, Phật thuyết cho chư tăng tỳ kheo.

Nội dung Kinh:

Đức Phật dạy rằng một người tu học cần phải thấy ra được ba khía cạnh ở mỗi mỗi vấn đề của các pháp. Trong bài Kinh này Đức Phật đặc biệt nhấn mạnh đến các dục trần.

Bản chất đời sống được nhìn ngắm tùy theo góc độ bi quan hay lạc quan của mỗi người và thường thì cái nhìn nào cũng là cực đoan. Một cái nhìn sáng suốt được đề nghị ở đây là cái nhìn như thực: chúng ta ra sao thì thấy như vậy. Chỉ biết nhìn về cái đẹp sẽ dẫn đến hệ lụy, chỉ biết nhìn từ cái xấu sẽ dẫn đến bất mãn. Ở đây Đức Phật dạy vị tỳ kheo phải nhìn thấy rõ cả hai bề mặt phải trái để khả năng suy từ từ đó trở nên trung thực hơn.

Cái gọi là các vấn đề ở đây gồm các dục, sắc pháp và cảm thọ. Cái gì cũng có vị ngọt (asada) của nó, có cả vị đắng (adinava :bề trái), và con đường xuất ly.

Notes: Một người mà không từng nếm qua mùi đời, chưa từng biết qua vị ngọt của cuộc đời khi gặp nó dễ bị đánh gục. Mà người chưa từng nếm qua cái đắng cuộc đời thì họ gặp vị ngọt họ ôm cứng ngắc. Mà Đức Phật ngài dạy vị tỳ kheo đối với tất cả các pháp không riêng về cái gì mình phải có khả năng nhìn ngắm ở ba khía cạnh: biết thế nào là vị ngọt của nó, thế nào là vị đắng của nó và biết rõ con đường nào để bỏ nó. Đức Phật nói trong đời này chúng sanh giống như con khi, và tất cả phiền não, tất cả cảnh trần giống như trái độc, khi mà ăn trái độc thì khổ thôi. Cho nên trong thế giới này hạnh phúc chỉ đến với người buông bỏ, chớ không thể đến với người nắm giữ.

Giống như một buổi sáng sớm mình ngồi trong nhà kiếng nhìn ra ngoài thăm cỏ. Mình choàng một áo khoác lông thú, ngồi trong nhà có máy lạnh máy sưởi, có người tình pha cho ly cà phê hoặc ly sữa, mình ngồi ngó ra vườn rất là thơ mộng. Thấy những hạt sương rất là đẹp. Nhưng nếu mình mở cửa, bỏ áo ra ngoài, lạnh ngắt, ướt nhẹp thấy ghê. Nói đại khái, các dục nó là như vậy. Cái miếng crystal nó bị bề nhìn thì ok. Phải nói tôi nhìn cái miếng crystal bị bề còn đẹp hơn cái nguyên vẹn nữa. Khi bề nó có nhiều cạnh nhiều phía, nhưng khi mình cầm thì có vấn đề. Nó đau. Hoặc như ở

bên VN hồi xưa tôi gặp mấy người collect mấy con bướm họ bắt rồi họ ép. Phải nói là hạnh phúc của thế gian như những con bướm, nó chỉ đẹp khi nó bay thôi. Khi mình muốn chiếm hữu nó, mình mang về thì phần trong những cái cánh của nó lâu ngày nó teng beng ra. Rồi cái mình của nó mình phải biết cách rút bớt nước ra chớ không thôi đê bẹp nó dơ nó hư con bướm đi. Tức là thiên nhiên để nó thiên nhiên mình ngắm chớ mình nắm giữ thì nó không còn đẹp nữa. Mình là khách vô tư ngồi ngắm con chim bay qua nắng sớm bên cành lá thì đẹp, chớ mình bắt chim bỏ vô lồng thì nó không còn nữa.

Đức Phật nói rằng khi đối với các pháp, đối với năm trần cảnh hay đối với các dục, các sắc pháp mình phải nhìn ngắm nó từ ba khía cạnh: thấy được vị ngọt của nó, thấy được vị đắng của nó và thấy được con đường ra khỏi nó.

Ngài nói thế nào là vị ngọt của Sắc pháp. Ngài nói: “Này các tỳ kheo, các người có bao giờ nhìn thấy người con gái 16 tuổi hay không. Từ da, tóc, răng, tướng đi tướng đứng của họ đều ở giai đoạn tuyệt hảo nhất. Nhưng này các tỳ kheo. Đó mới là giai đoạn vị ngọt của nó thôi. Đến vị đắng là khi nhan sắc đó đến xế chiều luống tuổi, chỗ nào ngày xưa bóng láng giờ nó nhăn nheo. Chỗ nào ngày xưa màu trắng giờ nó vàng ó đi, tóc đen giờ là tóc bạc. Ngài nói đó là giai đoạn về chiều đổ đôn, băng hoại của sắc pháp”.

Thế nào là sự xuất ly đối với sắc pháp? Vị tỳ kheo sau khi thấy vị ngọt của các pháp, thấy được bề trái của các pháp vị này khôn gồm áp nó. Đó chính là sự xuất ly đối với sắc pháp.

Với cảm thọ cũng vậy. Vị ngọt đối với cảm thọ có hai loại khổ và lạc, cảm thọ liên hệ phiền não và cảm thọ không liên hệ phiền não. Dầu cảm thọ nào cũng là vô thường.

Hạnh phúc nhất trên đời này nếu chúng ta đang sống trong cõi dục chính là hưởng dục: sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc lạ. Còn cái hạnh phúc thứ hai cao hơn đó là hạnh phúc của thiên định, thì đó là vị ngọt của cảm thọ. Trong tất cả feeling Ngài nói sự sung sướng, thoải mái, an lạc đó chính là vị ngọt của các cảm thọ.

Thế nào là vị đắng của cảm thọ? Chúng ta cười được nghĩa là chúng ta khóc được. Người già không cười ngả ngớn, cười bò, cười đổ nước mắt, cười lăn chiêng. Nhưng ngược lại đứng trước nỗi đau người già cũng bình thản hơn. Còn người trẻ cái gì cũng over, vì anh sensitive với chuyện vui thì anh cũng sensitive với chuyện buồn. Một cơ thể có cảm giác càng nhạy chùng nào thì nó càng có vấn đề chùng đó. Thí dụ người bị parkinson hoặc bị mất cảm giác thì họ cũng không còn enjoy như mình nhưng họ cũng ít bị đau đớn như mình. Mình bị cảm, cái lưỡi bị đóng lớp trắng mình ăn không biết ngon nhưng bù lại uống thuốc đắng cũng dễ uống hơn. Tôi nhớ hồi nhỏ nói với ông ngoại cái lưỡi con bị nóng sao nó kỳ quá. Ông ngoại nói ‘Nhờ vậy dễ uống thuốc đắng, con’. Hồi nhỏ tôi nghe tôi không thấm. Sao lớn mình thấy hay! Khi cái lưỡi mình không còn nhạy nữa thì mình ăn không ngon thiệt, nhưng bù lại cái đắng nó cũng không work luôn. Còn cái lưỡi tốt chùng nào thì cái gì nó cũng work, thí dụ để miếng ớt vô là thấy tám ông trời!

Cho nên Ngài nói vị ngọt của cảm thọ là những feeling nào nó làm mình cảm thấy enjoy. Mà người càng sân si với hạnh phúc bao nhiêu thì người đó càng sân si với đau khổ bấy nhiêu. Tôi nhớ ngày xưa sư cậu tôi có chuyện tiếng Việt một câu Kinh của ngài Xá Lợi Phất:

“Nếu biết có vui thì có khổ.

Thà rằng đừng khổ cũng đừng vui”

Có một ông đến hỏi ngài Xá Lợi Phất: “Thưa ngài nghe nói Niết bàn là hạnh phúc tối thượng. Mà con cũng nghe được Niết bàn là không có ngũ uẩn. Vậy trong Niết bàn không có cảm thọ, vậy lấy gì là hạnh phúc?”. Ngài nói chính vì không có cảm thọ nên mới có hạnh phúc. Vì cảm thọ là phải vô thường.

Có một chuyện mà nếu mình hiểu không tới nơi thì mình có ngộ nhận. Mà hiểu tới nơi thì mình thấy Niết bàn đúng là không (...). Như hồi nhỏ lúc tôi học Phật pháp lỡ bỡm tôi nghĩ có cái cõi nào không có vô thường, đẹp là đẹp hoài. Lớn lên thấy chuyện đó không có, không possible. Vì sao? Vì nếu cả thế giới không có cái xấu thì cái đẹp làm cho người ta chán. Sướng là gì? Ăn được cái mình muốn ăn, uống được cái mình muốn uống, gần được cái mình muốn gần, có được cái mình muốn có. Mình hạnh phúc là vì mình có đói ăn mới ngon. Khát nước thì uống mới ngon. Tại sao mình nghe nhạc mình thích? Vì bài nhạc đó ở thời điểm nào đó nó đáp ứng đúng nhu cầu tâm lý

của mình. Vì có muốn, có mong mỏi tha thiết thì khi được mình mới có hạnh phúc. Mà cái mong mỏi thì xuất phát từ cái đau khổ. Vì đau khổ mới mong đi tìm cái gì để lấp vô. Cô đơn mới đi tìm bạn, đói mới đi tìm cái ăn, nóng mới đi tìm cái mát, lạnh đi tìm cái ấm. Nói chung toàn bộ hạnh phúc là do mình tìm cái để che đau khổ không thôi. Nên trong một thế giới không có đau khổ thì hạnh phúc ở đâu lòi ra. Một thế giới không có vô thường, mọi thứ đứng yên thì nó sẽ không work. Muốn nó work nó phải vô thường. Mình muốn trên đời có những cô gái đẹp thì phải chấp nhận mất đi những bé gái. Nên thế giới này là sự đắp đổi. Những Gandhi, thánh nữ Theresa, Lincoln mất đi mình tiếc quá tiếc nhưng nếu họ không chết thì những người xấu như Hitler, Mussolini, Napoleon, Mao Trạch Đông, Tần Thủy Hoàng ... cũng còn sống thì thế giới này sẽ ra sao? Vì mình ham sống sợ chết cho nên mình mới sợ cái chết. Mình sợ mất mình chớ thật ra thế giới cần có cái chết. Chính cái chết làm cho con người khôn ngoan, làm người ta biết nghĩ đến điều thiện.

Đức Phật nói rằng đối với các pháp, đặc biệt ở đây là các dục, sắc pháp, về cảm thọ, thì bất cứ vấn đề gì trên đời mình cũng phải thấy nó ở cả ba khía cạnh: vị ngọt, vị đắng và chuyện mình rời nó mà đi.

Sau buổi giảng bài Kinh Đại Khổ Uẩn này tôi muốn quý vị về sau bước lên xe hoặc cầm nắm mua sắm gì cũng nhớ rằng cái món đồ mình đang cầm có vị đắng, có vị ngọt. Vị ngọt của nó là cái làm mình enjoy. Vị đắng của nó là những lúc nó làm mình đau khổ. Và sự xuất ly với nó là mình có khả năng quên nó được. Cuộc hôn nhân cũng vậy. Trên đời này cái gì nó cũng có ba khía cạnh đó: vị đắng, vị ngọt và con đường ra khỏi nó. Phạm phu mình thường thì gặp vị ngọt mê tít thò lò; gặp vị đắng thì bút tóc bút tai đâm ngực khóc than bất mãn. Còn vụ xuất ly thì mình quên không nhớ tới. Đó là lý do tại sao mình luẩn quẩn loanh quanh vòng luân hồi. ‘Luân’ là bánh xe, là quay, ‘hồi’ là trở về. Luân hồi là khởi đầu từ đâu mình cứ trở về tâm điểm và đi hoài vậy. Thay vì có chỗ ra mà đi hoài không chịu ra. Cứ đi vòng vòng, như trong cái mall người mà không quen cứ đi vòng vòng hoài không ra được.

BÀI KINH 14. KINH TIÊU KHỔ UẨN (Cùladukkhakkhanda sutta)

Tính trung bình một tuần mình học 5 bài đi thì bao lâu học hết 152 bài? Có những bài Kinh mình lướt nhanh được.

Thế nào là công phu tu học của vị tỳ kheo với 6 ngoại xứ, 6 nội xứ?

Ở đây vị tỳ kheo đối với 6 nội xứ thì chánh niệm biết rõ mình đang sống bằng cái nội xứ nào, đang thấy đang nghe đang nghĩ đang cảm.

Thế nào là tỳ kheo tu tập 6 ngoại xứ? Là vị đó khi nhìn thấy các sắc, thanh, khí, vị, xúc nó ra sao thì thấy nó như vậy chớ vị đó không có suy nghĩ thêm. Nó đắng biết nó đắng. Nó ngọt biết nó ngọt chớ vị đó không suy nghĩ thêm để bám chắc hoặc bất mãn.

Bài Kinh thứ hai nội dung y hệt như vậy, nhưng đối tượng không phải là chư tăng tỳ kheo mà là một ông hoàng nào đó.

Bài Kinh thứ ba đối tượng không phải một ông hoàng mà là một vị trời. Bài Kinh thứ tư nội dung y hệt như vậy mà đối tượng là một ông thợ săn. Bài Kinh thứ sáu nội dung là ông thợ mộc. Nội dung thứ bảy là Ngài kể riêng cho một vị tỳ kheo đến bạch riêng Đức Phật và Đức Phật nói nguyên văn như vậy, không thêm không bớt chữ nào hết. Cho nên trường hợp đó mình học rất nhanh, mang tiếng một phẩm đến mười mấy hai chục bài mà mình chỉ học có 10 phút. Nói duyên sự, nói nội dung xong phần còn lại cứ theo Chánh Kinh mà đọc.

Đức Phật giảng thì không theo thứ lớp mà chư tăng kiết tập thì làm thứ lớp. Ở Tăng Chi, pháp Một Chi Ngài kể rằng: “Ta không thấy trong nhân thiên loài người đọa xứ một chúng sanh nào hơn Chánh Đẳng Giác về trí về đức”. Rồi Ngài nói “Ta không thấy một bóng sắc nào nguy hiểm cho người nam cho bằng một bóng sắc người nữ. Và ta cũng không thấy một bóng sắc nào nguy hiểm cho người nữ bằng bóng sắc một người nam”.

Thí dụ như lâu đài, phố xá, nhà cửa v.v... những cái đẹp hùng tráng như vậy nhưng đối với người nam không hấp dẫn bằng bóng dáng người nữ. Cho nên Đức Phật Ngài không nói đến cái đẹp, không nói đến cái xấu mà Ngài chỉ nói đến giới tính thôi. Rồi Pháp Hai Chi Ngài nói rằng toàn bộ thế giới này được bảo vệ bởi hai pháp đó là Tàm và Úy. Và toàn bộ bản chất của thế giới chỉ có hai thứ là Danh và Sắc.

“Toàn bộ giáo pháp ta nói cho các tỳ kheo chỉ có hai nội dung là chỉ cho các người thấy đâu là khổ đâu là con đường thoát khổ”. Đó là pháp Hai Chi.

Pháp Ba Chi Ngài nói thế giới này đâu có kể ra mệnh mệnh thiên địa, những dãy thiên hà, những galaxy trùng trùng vô số vô lượng thế giới thì nó gom lại chỉ có ba thời, đó là ba thọ. Rồi Ngài cũng nói thế giới này gom lại có ba là thiện, vô thiện và vô ký. Mà thế giới này đúng 6 tỷ dân toàn bộ gom có ba thọ là đúng không sai: khổ, lạc và xả. ‘Định’ cũng chỉ là trong thọ. Một chúng sanh nằm dưới địa ngục Vô gián cũng là thọ. Một vị Chánh Đẳng Giác từ sáng tới tối cũng nằm trong ba thọ chớ không ngoài ba thọ. Tức là Ngài đau Ngài cũng biết Ngài đau. Cái biết đau của Ngài không dẫn tới tâm sân. Còn mình đau mình cộc. Ngài chỉ có pain chớ không có suffer. Cái gai xia vô da của Ngài Ngài đau nhưng cái đau đó không dẫn tới tâm sân. Rồi giác tra Ngài đang ngồi dưới trời nắng mình lấy đồ che cho Ngài hoặc quạt cho Ngài biết mát nhưng cái mát đó không dẫn tới tâm tham. Nhưng dù sao Ngài vẫn sống trong thế giới của cảm thọ.

Như vậy từ một người ở địa ngục lên tới cõi Phạm thiên, từ một vị Chánh Đẳng Giác cho tới con trùn con dế thì cũng không ra khỏi thế giới của các feeling. Cho nên khi mình học như vậy thấy rằng chỉ một mảnh nhỏ thôi của Tăng Chi bộ Kinh là đã bao gồm tất cả thế giới. Mà tăng Chi bộ Kinh là một phần của Kinh Tạng. Mà Kinh Tạng là một phần của Tam tạng. Mình học vậy mình thấy Phật Pháp thâm sâu. Mình có duyên lắm mình mới được học Phật Pháp. Chớ ở ngoài đời, tôi không có học vị mà nói này các vị có học vị rất là giận tôi, nhưng phải nói rằng không có một hệ thống giáo lý nào, hệ thống giáo dục nào trên thế giới mà chỉ lấy ra một mảnh nhỏ trong đó thôi đủ để người ta có thể calm down rất nhiều thứ trong đời của họ như là Đạo Phật. Như ở ngoài đời tôi có năm ba bằng tiến sĩ, năm ba bằng bác sĩ nhưng chừng đó không đủ để cho tôi đối diện với nỗi đau của cuộc đời. Trong khi Đức Phật dạy cho mình một điều hết sức đơn giản là vạn pháp đến do nhân duyên và vạn pháp cũng do nhân duyên mà đi. Nhưng tại sao biết vậy mà vẫn khổ? Vì mình còn phóng dật. Mình giận mình buồn là vì mình phóng dật. Cái nội dung về Tăng Chi này giờ tôi nói lại tình cờ đúng nội dung bài Kinh mình đang học: Kinh Tiểu Khổ Uẩn số 14.

Duyên khởi:

Phật ngữ tại Kapilavatthu (Ca tỳ La Vệ).

Notes: Sẵn đây tôi nói có một chuyện là người Việt mình mang ơn người Tàu rất nhiều ở cái chuyện không có người Tàu tiếng Việt mình không có chữ nghĩa để xài. Thí dụ chữ ‘đẻ’ nghe đâu hay bằng chữ ‘sanh’. Thêm nữa Kinh Phật người Phật tử VN mình dùng là mình mang ơn Hán Tạng. Như hôm nay mấy sư dịch Kinh tiếng Anh rất là mệt. Thí dụ các sư dịch chữ ‘Patisambhidam’. Chữ ‘patisambhida’ trong Kinh nêu chẻ từng chữ ra mà nói thì chữ ‘pati’ nó là tiếp đầu ngữ làm mạnh cái nghĩa của chữ sau. Chữ ‘bhida’ từ căn nguyên ‘bhid’ là ‘bẻ’. Patisambhida là một loại trí tuệ làm bẻ ra các vấn đề. Vấn đề nào mình cũng chia chẻ ra được hết. Mà tiếng Anh dịch là discrimination. Nó đâu có được! Tàu dịch ‘vô ngại giải’ nghe sướng hông? ‘Vô ngại giải’ nghĩa là nó không kẹt vô gì hết. Phật giáo VN mang ơn Phật giáo Tàu, chưa hết. Phật giáo Tàu thì mang ơn Lão giáo. Lúc Cựu Ma La Thập, Huyền Trang, Nghĩa Tịnh, Pháp Hiển, kể cả ngài An Thế Cao dịch Kinh thì cái ngôn phong của người Tàu lúc đó không một hệ thống văn chương nào hay hơn là kinh điển của Lão giáo, của Lão Tử và Trang Tử. Khi các vị dịch Kinh từ chữ Phạn sang chữ Hán thì các vị dùng ngôn phong, cái style của Lão giáo. Nhờ vậy Kinh Phật gọn nhưng vẫn sáng. Thí dụ Đạo đức Kinh có câu: “Đạo khả đạo phi thường đạo. Danh khả danh phi thường danh”. (Đạo là cái gì đó mà khi ta giải thích ra quá nhiều thì nó làm sai lạc ý Đạo đi). Vì sao? Các vị hỏi tôi cái trà Earl Grey này uống với mật ra sao, tôi ngồi tôi viết một cuốn sách 2.000 trang tôi tả, các vị càng đọc là càng khủng. Tại sao không uống cho nó biết. Cho nên họ nói ‘Đạo khả Đạo phi thường Đạo’, nói rất gọn. Từ cách nói gọn đó các vị mới dịch được Kinh Kim Cang:

“Xá Lợi Tử, sắc tức thị không không tức thị sắc. Sắc bất dị không không bất dị sắc. Thọ tướng hành thức. Diệc phục như thị”.

(Này Xá Lợi Tử ta nói rằng sắc không khác không, cái không cũng không khác sắc). Nói một cách dễ hiểu hơn, những hình danh giả tướng bình thường mình thấy nó chỉ là cái phóng ảnh của ảo giác thôi. Nói theo chemical, kẹo cũng là đường, thêm chút xiu mint, hoặc vài artichaut chớ không có gì hết mà sao lúc mình kêu kẹo lúc mình kêu là đường. Là bởi vì sao? Vì ‘sắc bất dị không’ là trong

cái viên kẹo nó vốn là không, trong chemical nó không có gì là kẹo cả. Nên nhớ trong chemical không có chữ ‘candy’. Nó chỉ có đường, có acid, có mấy cái ni tơ, kali ... không có cái gì gọi là kẹo cả, mà do thị hiếu thường tình mình chế ra, mình đặt tên cho nó. Cho nên sắc bất dị không không bất dị sắc. Cái cách nói như vậy là các ngài dịch Kinh mượn cách nói của Đạo đức Kinh. Bữa nay tôi nói mấy chuyện không liên quan nội dung bài Kinh nhưng cũng cần thiết cho các vị có các khái niệm.

Về địa danh Ca Tỳ La Vệ. Chữ ‘vatthu’ này trong Pali có nhiều nghĩa. ‘Vatthu’ có nghĩa ‘nền nhà’ hoặc ‘vật’, một món đồ vật. Trong trường hợp này có nghĩa là ‘nền nhà’. Còn ‘Kapila’ là tên một ông đạo sĩ. Ông này chính là Bồ tát Sĩ Đạt Ta mấy ngàn năm trước. Ông rất giỏi phong thủy. Lần đó ông đi đến một vùng đất mà chỗ đó hễ mấy con thú hiền bị thú dữ rượt tới đó thì nó hết hoảng sợ, nó enjoy cuộc sống; còn mấy con thú dữ khi rượt mỗi tới đó bỗng quên đi vụ ăn thịt thú nhỏ. Ông đạo sĩ liền cất cái am tu ở đó. Cách đó khá xa có một ông vua tên Okkaka. Ông vua này có nhiều vợ, thủy chung nhưng ham vui. Một bữa trong cuộc vui say lỡ lời hứa với một bà thứ phi là cho con bà lên làm vua. Tình lại bị mắc lời hứa nên ông kêu 9 người con dòng chánh thức lại nói rõ sự tình, kêu họ đi tìm vùng đất mới khác. Chín chị em gồm 4 trai 5 gái cùng một số quan dất điếu nhau đi. Khi đến vùng đất này gặp Đạo sĩ Kapila khuyên họ nên ở lại đây lập quốc. Để ghi nhớ công ơn đạo sĩ, họ đặt tên đất này là Kapilavatthu, nghĩa là kinh đô trên nền đất của đạo sĩ Kapila.

Chín chị em sau khi ở miếng đất ngon lành, rồi trồng trọt dân chúng thấy những người đức độ nên kéo tới đông. Đây chính là tổ tiên của dòng Thích Ca. Con gái thì thông minh, giỏi, ngoan hiền thực nữ; trai thì can đảm, sức khỏe, thông minh. Ở Ấn Độ dòng Thích Ca có một giai đoạn họ cho anh em trong dòng tộc lấy nhau, sau khi bà chị cả chủ hôn cho bốn cặp anh em yên bề gia thất thì còn lẻ bà. Một thời gian sau bà mắc chứng bệnh lạ. Bà kêu các em xây cho một cái nhà bằng đất kiên cố ở trong rừng về ở rồi họ đem thức ăn cho chị.

Nói về xứ Taranasi mà về sau Phật Thích Ca làm nơi chuyển Pháp luân. Ông vua xứ đó một bữa cũng mắc chứng bệnh giống bà chị cả này. Ông cũng vô rừng ở nhưng không làm nhà mà ở trong một hốc cây, gọi là ‘Koliya’ nghĩa là ‘cây táo’. Đêm đó trời mưa dông lớn ông nghe tiếng cộp về. Xen lẫn tiếng trời gầm, tiếng cộp kêu ông nghe tiếng người nữ la khóc. Sáng ngày lại ông nhắm hướng đi tìm thấy cái nhà. Sau khi bà chị kể hết câu chuyện hai người thử nhau. Họ đem hết những kiến thức trong cung vua, hoàng thân quốc thích, đời sống hoàng tộc hỏi nhau, xác nhận đều là gốc vua chúa. Tin nhau, cùng chăm sóc bệnh tình một thời gian thì cùng hết bệnh và lấy nhau. Sau đó ông vua đưa bà trở về cung. Từ đó dòng Thích Ca mới ra cái lệ là người dòng Thích Ca không lấy người ngoại tộc nhưng trừ ra dòng Koliya.

Mà dòng Koliya này về sau chính là tổ tiên của ông vua Ba Tư Nặc. Ba Tư Nặc là một trong bốn vị tứ đại hộ Pháp của Đức Phật. Ông thương Đức Phật lắm. Ông với Đức Phật bằng tuổi. Dòng Thích Ca không lấy ai, nhưng nếu thuộc dòng Koliya đi cầu hôn là gả liền. Vua Ba Tư Nặc cũng 35 tuổi lúc Đức Phật thành Đạo năm 35 tuổi. Đất của Ca Tỳ La Vệ nhỏ hơn đất của Kosala. Kosala là vương quốc lớn nhất Ấn Độ thời đó. Ông nghe Phật làm vua ông nói tôi cũng là vua vậy. Ông không tin Đức Phật cũng 35 tuổi như ông mà là giáo chủ nên cho người theo dõi suốt trong 7 năm. Cuối cùng ông đến quỳ dưới chân Ngài. Trong Kinh nói ông lấy môi chạm chân Ngài nói con muốn tôn Ngài làm bậc Đạo sư của con. Sau đó khi Phật 80 tuổi, một buổi chiều ông đến hầu Phật. Đến khi trời tối ông trở về hoàng cung thì lúc đó cửa thành đóng, người hầu báo quan quân làm phản soán ngôi rồi. Cả đời ông làm phước cho Phật nhưng cuối đời ông chết bên cổng thành ngoài hoàng cung. Ông chết được về Đâu Suất, và chính là một trong 10 Đức Phật tương lai. Tức là khi Phật Thích Ca Niết bàn rồi, giáo Pháp tồn tại 5.000 năm trải qua 64 tiểu kiếp thì Phật Di Lặc ra đời. Sau khi Phật Di Lặc Niết bàn thì trải qua vô số kiếp trái đất hoại, không có Phật ra đời rồi sau đó nữa thì ông đầu tiên chứng Đạo đó là vua Ba Tư Nặc. Vua Ba Tư Nặc đó chính là con cháu của dòng Koliya này. Đó là gốc tích Ca Tỳ La Vệ. Còn có tên dòng Thích Ca là sau khi chín chị em về thăm lại vua cha. Vua cha nghe chuyện thì khen ‘sakka’ có nghĩa là các con của ta quá tài giỏi. Từ đó họ lấy ‘Sakya’ làm tên một dòng tộc.

Duyên khởi: Phật ngự tại Capilavatthu, bài Kinh này được thuyết giảng cho ông hoàng Mahanama.

Notes: Chỉ riêng chữ Mahanama này tôi cũng phải nói cho các vị nghe. Nếu ngài Rahula nếu không đi xuất gia thì ngài làm vua. Ananda không đi xuất gia cũng làm vua. Rồi Nan Đà, rồi ông Đề Bà Đạt Đa mà không đi xuất gia cũng làm vua. Do các ông hoàng đó đều đi xuất gia nên ông hoàng Mahanama lên làm vua.

Trong Kinh nói nhà ông Cấp Cô Độc với nhà bà Visakha hai người đều ở chung thủ đô của xứ Kosala là Savatthi. Hai gia đình này mỗi ngày đều thỉnh 2.000 tỳ kheo về nhà ăn cơm. Vua Ba Tư Nặc thấy vậy cũng muốn thỉnh 2.000 vị nhưng vua thỉnh xong vua quên. Tới giờ chư tăng tới không thấy vua tới, nghĩ là vua coi thường nên dần dần cũng không còn vị nào tới. Một bữa tự dung vua nhớ ra, tới nơi thì ngạc nhiên sao mình thỉnh chư tăng mà lại không có ai, chỉ loe hoe vài vị, tại sao chư tăng đối với trăm như vậy. Các vị mới nói ‘Cấp Cô Độc và Visakha đối với Phật là chỗ thân tình nên chư tăng cũng vì chỗ thân tình mà tới lui. Còn bệ hạ thỉnh mà bỏ quên người ta thì ai mà đi’. Vua mới nghĩ mình tu làm sao bằng hai người kia, vậy mình đi con đường nhanh nhất để gần liền với Đức Phật. Chỉ có con đường sui gia là nhanh nhất. Nên ông cho người đi qua dòng Thích Ca cầu hôn. Dòng Thích Ca lại kiếm một nô tỳ thật đẹp gả mà vua thì không biết. Cô này sinh cho vua một đứa con là hoàng tử Vidudabha. Lớn lên một lần hoàng tử về thăm quê ngoại được họ hàng đón tiếp xong xuôi đến lúc vừa trở về thì thấy quên đồ. Quay trở lại tình cờ thấy người hầu đang rửa tẩy uest cái ghế hoàng tử vừa ngồi khi nãy. Phát hiện ra mình bị miệt thị, bị làm nhục vì là con của nô lệ chớ không phải dòng Thích Ca nên sinh tâm oán hận. Vidudabha nói ‘Hôm nay tụi bây rửa ghế của tao bằng sữa. Ngày mai tao rửa ghế tao bằng máu tụi bây’. Sau ông mới cất quân tàn sát dòng họ Thích Ca. Nguyên nhân mà ra là từ cái vụ đó. Riêng ông Mahanama này được Long Vương cứu sống rồi cho ông ở Long Cung 12 năm sau mới trở về làm vua. Còn đoàn quân đi tàn sát dòng Thích Ca tới đó rút về tất cả bị nước lũ cuốn sạch chết hết.

Ông Mahanama này đặc biệt lắm. Lúc ông đang làm vua ông hỏi Đức Phật nhiều chuyện đạo đức lắm. Mà nhờ những câu hỏi đó giờ nó cứu mình. Thí dụ bài Kinh tôi sắp giảng này cũng do ông hỏi. Rồi có một bữa trên đường ông từ nhà lên chùa hầu Phật, có một con voi bị điên chạy hừng hực suýt đâm vào ông. Ông tránh được thoát chết, khi vô lạy Phật ông kể lại câu chuyện và hỏi Phật: “Lúc nãy con sợ quá, con chạy cuống cuống, nhưng nếu lúc nãy con ‘thăng’ thì con đi về đâu. Con thưa với Ngài là lúc đó con không niệm gì nổi hết”. Đức Phật nói một câu rất tuyệt vời: “Tâm của người tu hành giống như cái lu đựng dầu. Cái lu có bị đập bể thì miếng lu vẫn cứ chìm xuống mà dầu vẫn nổi lên”. Người tu hướng về Chánh Pháp thì dầu bị vô thường, bị chà đạp bị tai nạn cái xác có bị nổ tung thì cái tâm như dầu vẫn nổi. Có học Vi Diệu Pháp thì hiểu có hoảng là hoảng khúc này chứ cái lộ tâm tử không bị ảnh hưởng. Cái nghiệp cận tử chỉ bị ảnh hưởng khi nào cái nghiệp cực mạnh, cái đó là nghiệp, không phải là cái quả. Cái tâm mình thường nghĩ về chánh Pháp, về Tam Bảo về chúng sanh, thường như vậy. Thường tự mình dặn lòng một ngày tôi nhớ ông Phật được bao nhiêu lần, nhớ tới Chánh Pháp bao nhiêu lần. Một ngày nhiều lần, nhiều ngày vậy thì cái tâm mình nó như dầu. Hoặc như tôi vẫn nói hoài, cái tâm mình nó như nước. Nước có ba dạng: lỏng, khí và đặc. Chất lỏng lúc nào cũng có khuynh hướng kiếm chỗ thấp đi xuống. Còn đặc thì ở đâu có nhiệt độ nó nằm lì ở đó. Còn ông thể khí thì lúc nào cũng đi lên. Tâm người tu càng nhẹ nhàng thì càng dễ đi lên. Đó là một chuyện. Chuyện thứ hai là tâm càng nhỏ càng dễ lọt. Nếu tâm vừa lớn vừa nhẹ thì càng dễ bay như cánh diều. Tâm lớn mà nặng nề thì nằm kẹt ở đó chứ không lọt sâu hơn nữa. Cho nên có những vị tu mấy chục ngàn năm tới hồi chết cũng sanh làm Dạ xoa mà gặp Phật thuyết Pháp đắc Tu Đà Hườn cũng là Dạ xoa. Những vị đó theo trong Kinh mô tả là những vị tâm họ lớn nhưng nặng. Lớn là họ nghĩ đến chúng sanh, đến tha nhân, nhưng nặng là họ không đi cao được. Còn như ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên hoặc những bậc đại trí khác thì các Ngài càng tu càng buông bỏ. Lòng các Ngài lớn nhưng nó nhẹ. Còn mình, mình tu huân tập nhiều công đức nhưng chấp thủ nhiều thì nặng.

Nãy giờ tôi nói với các vị tại sao có tên là Capilavatthu, tại sao có tên Thích Ca, tại sao có tên Mahanama.

Nội dung Kinh:

Ông hoàng Mahanama hỏi Phật vì sao phiền não trong lòng ông vẫn cứ đầy ắp khi từ lâu ông vẫn hiểu được rằng chúng là những pháp cấu uế. Phật dạy rằng do si căn chưa được đoạn trừ nên các

phiền não vẫn tiếp tục bén rễ. Cũng như ở bài Kinh Đại Khô Uẩn, ở đây Đức Phật dạy rằng con đường thoát ly tất cả phiền não cũng vẫn phải được thiết lập trên ba cái nhìn căn bản đối với các pháp: thấy rõ đâu là vị ngọt, vị đắng và đâu là con đường thoát ly khỏi chúng. Phải thấy được vị ngọt để khỏi vấp phải những cạm bẫy. Phải thấy rõ vị đắng để không có những bất mãn vô lối, trề con. Từ chỗ thấy vị đắng dẫn đến nhàm chán, từ nhàm chán dẫn đến ly tham, từ ly tham dẫn đến giải thoát.

Notes:

Có một lúc nào đó trong đời thấy chán phèo. Nhưng do ba la mật của mình nó khiến cho giai đoạn đó đến sớm hay muộn. Như có người sống đến 90 tuổi mà vẫn chưa chán. Cái chán của mình nó đi theo cái sức của Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ. Thí dụ ba la mật mình kém thì cái Tín của mình nó đến một mức độ nào đó thôi, cái Tấn của mình, cái Niệm cũng đến mức nào đó thôi. Cho nên ông hoàng mới hỏi tại sao con biết hết mà vẫn còn phiền não. Phật nói là tại cái Si căn của con chưa đoạn. Mà trong Si căn có hai điều: một là hoài nghi, hai là phóng dật. Chính phóng dật làm cho mình không có Chánh niệm. Mà không Chánh niệm là toàn bộ công phu tu hành coi như đi đong hết. Còn hoài nghi là cội nguồn của tà kiến. Nó chính là tà kiến tiềm miên.

Ngài Cưu Ma La Thập là Pháp sư, là dịch giả về Tam Tạng. Vua quan bên Tàu ngày xưa muốn bày tỏ lòng kính mộ ngài nên khi ngài dịch Kinh thì có người chăm lo trà nước cháo cơm cho ngài, có tất cả 14 người thiếp hầu ngài. Từ đó nhiều thầy chùa bắt mặn hoặc bắt chước ngài, nói sao nhà ngài toàn là gái đẹp. Ngài mới mời họ tới chùa, ngài lấy một nắm kim may đồ bỏ vô cái bát nước khuấy khuấy, nói “Bây giờ các vị muốn bắt chước Cưu Ma La Thập này cũng được. Nếu uống được thì tôi sẽ xin vua cho các vị được lấy vợ giống như tôi vậy. Bởi muốn bắt chước thì phải bắt chước cho giống, học giống như tôi, tu giống như tôi”. Ông nói xong không ai dám uống, ông cầm cái bát kim lên uống hết luôn. Coi như đám đó không còn dám hó hé gì nữa. Trong cung đồn nhau về ông, nói ‘tu mà vậy kỳ quá, nói Đạo thì ai mà nghe’. Một bữa vua mời ông giảng. Trên bàn có bình hoa sen, ngài mới rút hoa sen ngài hỏi hoa này mọc từ đâu. Nói mọc dưới sinh. Ông nói: ‘Ừ, sen dưới sinh sao cắm trong hoàng cung’. Người ta nói: ‘Thưa ngài sen là sen, sinh là sinh chứ đâu có lấy sen với sinh mix với nhau mà hỏi kỳ cục’. Ngài nghe vậy ngài nói nói cảm ơn, trả lời hay lắm. Cứ coi tôi là sinh đi, những lời tôi nói nó là sen. Đừng vì sinh mà bỏ sen, cũng đừng vì sen mà chun đầu xuống bùn. Hái sen xong rồi rửa tay. Cái con người đó không đáng gì, nhưng nếu đem lại cho mình những đóa sen thì mình cứ nhận. Ở VN tôi vẫn thường nói nếu mình thích vàng thì ai cho vàng mình cũng nhận, dầu đó là từ bàn tay của người cùi hay của hoa hậu. Tiền mình có thể nhận từ tay một người cùi thì tại sao Phật Pháp mình không thể nhận từ một người mình coi không ra gì? Họ nói mà chỉ cần cái đầu mình còn work chứ không phải đất sét là được.

Vậy là hết bài Kinh.

Vì khuyết điểm tôi nói nhanh với cái giọng tôi the thé chứ quý vị về chịu khó nghe kỹ mấy buổi giảng có nhiều chuyện trong đời sống tôi đọc sách dùm quý vị rất nhiều thứ, quý vị đâu có hiểu đâu, coi tôi là sinh!

Người ta học giáo lý có hai chữ thôi: danh sắc. Không phải học mà tình cờ nghe Pháp mà gặp Phật ra đời. Như chuyện hai vợ chồng ngồi ăn cơm. Hai người này có thói quen rất tốt là ngày nào cũng nấu cơm dư để cho người hành khất. Bữa đó hai người cũng cho hết rồi, còn phần cơm để ăn thì Phật tới. Họ mới giận họ nói ‘Vây ăn cũng không yên thân’. Nói vậy nhưng vẫn bung ra, nhưng Ngài không chịu nhận. Họ nói ‘Đi ăn xin mà người ta cho hồng nhận vậy kêu bằng cái gì?’. Ngài nói: “Là tỳ kheo”. Trong chữ Phạn, tỳ kheo là ‘bikkhu’: ăn xin. Họ mới nói ‘Nếu là bikkhu sao cho đồ ăn không nhận?’. Ngài nói: “Bikkhu” ta không có nghĩa như vậy, mà chữ bikkhu ta là người hiểu được danh sắc. Hai ông bà nghe xong đắc A na hàm hết. Là do nhiều kiếp trước đi chùa nghe có hai chữ đó thôi, là cái duyên. Danh và sắc tức là con người mình dầu có là vua chúa, ăn mày, ăn xin, gái điếm, kỹ nữ hay hoàng hậu, thứ phi thì cũng có nhiều đó thôi, cũng là danh với sắc, do nhân quả tác động mà danh với sắc nó sanh diệt. Danh sắc đời này có pha phiền não thì tạo danh sắc mới. Còn nếu danh sắc đó không có phiền não thì nó giống như hạt lúa đem đi luộc. Nếu danh sắc đó đang tồn tại mà có phiền não ở trong thì coi như là hạt lúa tốt. Hạt lúa tốt mà gặp nước gặp phân ok thì

mọc tiếp. Nếu danh- sắc đó tồn tại mà không lẫn lộn phiền não trong đó thì nó chỉ như hạt lúa bị luộc.

Ví dụ như vị Chánh Đẳng Giác, A la hán. Các vị đó cũng có danh sắc như mình nhưng trong danh sắc đó không có phiền não. Thân của các Ngài là kết quả của quá khứ (hạt lúa này là kết quả của hạt lúa trước), nó là quả nhưng không là nhân cho hạt lúa khác. Các ngài cũng vậy. Cũng có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý như mình, nhưng các ngài không có tâm tham sân si. Cho nên trong khối danh sắc đó không có mặt của phiền não. Như vậy các ngài lúc bấy giờ hình thức cũng là một hạt lúa như bao nhiêu hạt lúa khác nhưng không đem gieo trồng được nữa. Đó là định nghĩa về chư Phật. Các ngài vẫn đói ăn, khát uống, vẫn bị đau ốm bệnh hoạn như mình nhưng có điều các ngài là ‘một hạt lúa đã bị luộc rồi’.

Đức Phật năm 35 tuổi dưới gốc Bồ Đề vào rạng sáng năm thứ 45 trước Phật lịch. Phật lịch tôi tính vào năm Đức Phật Niết bàn. Đêm rằm tháng tư năm 45 trước Phật lịch thì hạt lúa sanh tử Ngài đã chính thức bị luộc. Trong Kinh nói cảm giác của người đã buông gánh nặng sanh tử, gánh nặng phiền não xuống nhẹ đến mức mà chư Phật sau khi giác ngộ như vậy mười ngàn thế giới rung động, các ngài đều nói bài kệ giống nhau:

“Lang thang vạn kiếp luân hồi.

Tìm không gặp kẻ xây ngôi nhà này (ngôi nhà danh- sắc).

Ôi đời sống thật buồn thay.

Bèo mây bên cũ vẫn xoay lồi về.

Hỡi này anh thợ nhà kia.

Rui mè kéo cột gãy lia nát tan.

Bao tham ái thủy điều tàn.

Tâm ta thẳng đạt Niết bàn thành thoi”.

Đã quá! Mà cái đã đó được thể hiện như thế nào? Bảy tuần lễ không ăn uống gì hết. Tuần lễ thứ nhất suy nghĩ về Đạo quả Chánh đẳng Giác của mình. Tuần lễ thứ hai thứ ba thứ tư suy nghĩ về Duyên khởi và tạng Vi Diệu Pháp. Cho nên 7 năm sau Ngài lên ngôi trời Ngài thuyết những gì Ngài đã suy nghĩ trong 7 tuần lễ đó ở gốc Bồ đề. Tức là toàn bộ Phật trí, Nhất thiết chủng trí Ngài biết. Cái lần Ngài vô trong rừng Ngài nói là cái gì ta hiểu ta giác ngộ dưới gốc Bồ đề nó nhiều như khu rừng simsapa. Tất cả nguyên khu rừng đó là được Ngài giải quyết trong 7 tuần lễ đó. Và suốt 45 năm trời hoàng dương của Đức Phật là Ngài chỉ nói những chuyện mà Ngài đã suy tư trong suốt bảy tuần lễ đó, không thêm không bớt./.

**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SƯ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.**
